TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/DS-PT.
Ngày: 26/10/2020.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Yêu cầu công nhận hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết
Ông Nguyễn Xuân Thạo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26/10/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLPT- DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu công nhận hợp đồng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2020/QĐ-PT ngày 18/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐ-PT ngày 24/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐ-PT ngày 10/9/2020, Quyết định ngừng phiên tòa số 26/2020/QĐ-PT ngày 24/9/2020, giữa:

+ **Nguyên đơn**: anh Nguyễn Công B, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn**: anh Lương Ngọc T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị L, sinh năm: 1980 (đã ủy quyền cho anh Lương Ngọc T theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019). (vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Th – sinh năm: 1975 (Chị Th đã ủy quyền cho anh Nguyễn Công B theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2019). (có mặt)

Đều trú tại: Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: vợ chồng Chị Vũ Thị L – sinh năm: 1977 và anh Nguyễn Văn Tr – sinh năm: 1973 (vắng mặt khi tuyên án).

Đều trú tại: Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn Tr ủy quyền cho anh Phạm Tiến L – sinh năm 1984, trú tại số T, ngõ X, phố Đ, phường C, quận Ba Đình, tp Hà Nội (vắng mặt khi tuyên án).

+ Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn Tr là Luật sư Đoàn Trung H – Trưởng Văn phòng luật sư Đoàn Trung H, đoàn Luật sư Tp Hà Nội (vắng mặt khi tuyên án).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là anh Nguyễn Công B trình bày: Do mối quan hệ hàng xóm nên anh đã cho anh Lương Ngọc T vay tiền hai lần, cụ thể: Ngày 25/01/2019, anh T vay số tiền vay 700.000.000 đồng (bẩy trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 25/02/2019 thì trả, nên anh đã đồng ý cho vay. Ngày 03/2/2019, anh T lại sang nói cần vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) để kinh doanh thêm và hẹn ngày 03/3/2019 sẽ trả, nên anh đồng ý cho vay. Anh đã giao tiền cho anh T đầy đủ, anh T viết giấy nhận nợ. Về tiền lãi, hai bên thỏa thuận tính mức lãi bằng 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày và trả cùng với khi thanh toán tiền vay gốc, nhưng không ghi trong giấy vay. Hết thời hạn thanh toán, anh đã đòi nhiều lần, song anh T không trả. Nay anh xác định, anh T vay để làm ăn, phát triển kinh tế gia đình,chị L là vợ anh T có biết khoản vay trên. Do đó anh yêu cầu anh T, chị L phải liên đới chịu trách nhiệm trả anh số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi tính theo mức 2%/tháng kể từ ngày vay cho đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ.

Anh yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản" là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng ngôi nhà xây trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng anh Lương Ngọc T, chị Vũ Thị L để đảm bảo thi hành án. Anh không nhất trí với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất giữa anh T, chị L với anh Tr, chị L và yêu cầu hủy quyết định phong tỏa tài sản theo yêu cầu của anh Tr, chị L. Anh yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng trên vô hiệu, vì anh T, chị L cố tình làm hợp đồng chuyển nhượng để tẩu tán tài sản, về giải quyết hậu quả của hợp đồng anh không yêu cầu vì đó là quyền của anh Tr, chị L với anh T, chị L.

Bị đơn là anh Lương Ngọc T đã trình bày: Anh và vợ chồng anh Nguyễn Công B, chị Phạm Thị Th là người cùng thôn, có quen biết nhau. Do có nhu cầu vốn làm ăn kinh tế gia đình nên ngày 25/01/2019 anh đã vay của vợ chồng anh Nguyễn Công B số tiền vay 700.000.000 (bẩy trăm triệu) đồng, thời hạn trả tiền ngày 25/02/2019. Ngày 03/02/2019, vợ chồng anh lại cần vốn làm ăn kinh tế gia đình nên anh vay tiếp của vợ chồng anh B số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu

đồng) gốc, thời hạn trả ngày 03/3/2019. Cả hai lần, hai bên có lập giấy biên nhận nợ vay tiền, anh là người điền nội dung giấy nhận nợ và ký nhận bên người vay, anh B ký bên cho vay. Lãi suất thỏa thuận miệng 1.500 đồng/01 triệu/01 ngày. Mục đích vay tiền để vợ chồng anh làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau khi vay số tiền trên, vợ chồng anh chưa thanh toán trả cho vợ chồng anh B số tiền nào (kể cả gốc và lãi). Nay vợ chồng anh B khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số nợ gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi thì anh đồng ý trả tiền gốc, về tiền lãi anh đề nghị anh B không tính, nếu anh B không đồng ý thì anh đề nghị tính theo quy định của pháp luật và đề nghị trừ số tiền lãi anh đã trả 45.000.000 đồng khi vay vào số tiền thanh toán.Đối với việc anh B yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng tài sản trên đất của vợ chồng anh, anh không có ý kiến gì.

Đối với việc vợ chồng anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị L yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Tr ngày 12/3/2019 có hiệu lực và yêu cầu Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời"phong tỏa tài sản" anh nhất trí. Anh không yêu cầu giải quyết hợp đồng vô hiệu nên không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn Tr và chị Vũ Thị L trình bày: Tháng 3/2019, biết vợ chồng anh T, chị L có ý định bán toàn bộ đất và tài sản gắn liền đất tại địa chỉ Thôn S, xã T, huyện L nên anh, chị đã đặt vấn đề mua lại toàn bộ nhà đất này. Trong quá trình mua tài sản trên, vợ chồng anh T nói có vay Ngân hàng đầu tư tỉnh Bắc Giang số tiền 900.000.000 đồng và để đảm bảo khoản vay này, vợ chồng anh T đã thế chấp ngân hàng toàn bộ nhà đất trên. Do khoản nợ đến hạn trả, nhưng vợ chồng anh T không có điều kiện trả nợ nên muốn tìm người mua để chuyển nhượng toàn bộ thửa đất và nói nếu vợ chồng anh, chị nhất trí với điều kiện vợ chồng anh T đặt ra thì vợ chồng anh T sẽ chuyển nhượng nhà đất cho vợ chồng anh, chị với giá 400.000.000 đồng. Điều kiện của anh T là trước khi tiến hành thủ tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người mua phải thay vợ chồng anh T trả cho Ngân hàng số tiền 900.000.000 đồng để giải chấp và nhận lại sổ đỏ. Số tiền trả 900.000.000 đồng sẽ được đối trừ 400.000.000 đồng vào tiền chuyển nhượng đất khi thực hiện hợp đồng mua bán và 500.000.000 đồng còn lại là khoản vay của vợ chồng anh T với người mua. Sau khi xem xét, cân nhắc vợ chồng anh đã nhất trí với điều kiện anh T đưa ra. Ngày 12/3/2019 vợ chồng anh, chị đã thay vợ chồng anh T trả cho Ngân hàng đầu tư tỉnh Bắc Giang số tiền 900.000.000 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi làm thủ tục giải chấp. Ngay trong ngày, vợ chồng anh T và vợ chồng anh đã đến Văn phòng công chứng Quang Minh có trụ sở tại số 187, đường Cần Trạm, thị trấn Vôi, huyện L, tỉnh Bắc Giang để ký hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền đất với nội dung anh T, chị L đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng anh thửa đất và tài sản gắn liền đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG658665 do sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 17/02/2017 đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ 27, diện tích 54,6m^2 và nhà ở xây dựng trên đất có diện tích xây dựng là 50m^2, diện tích sàn là 175m^2.

Giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Hợp đồng trên đã được công chứng chứng thực. Sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng, vợ chồng anh T và vợ chồng anh, chị đã lập giấy tờ thỏa thuận ghi nhận việc vợ chồng anh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển nhượng nhà đất 400.000.000 đồng bằng hình thức khấu trừ vào số tiền 900.000.000 đồng thanh toán tại Ngân hàng, số tiền 500.000.000 đồng còn lại vợ chồng anh T xác nhận là khoản vay với vợ chồng anh, chị. Vợ chồng anh T cũng xin cho ở lại nhà đất trên trong thời hạn 5 tháng để có thời gian thu xếp chỗ ở mới. Sau đó vợ chồng anh, chị gửi hồ sơ đến chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để giải quyết thủ tục đăng ký sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cơ quan này từ chối vì lý do Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QD-BPKCTT ngày 14/5/2019 để áp dụng biện pháp "phong tỏa tài sản" đối với toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất mà vợ chồng anh đã mua từ vợ chồng anh T. Nay xác định giao dịch chuyển nhượng nhà, đất giữa vợ chồng anh T và vợ chồng anh đã được xác lập hợp pháp và theo đúng trình tự pháp luật. Việc anh T vay tiền của người khác là trách nhiệm riêng của anh T, không thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với tài sản trên được. Vợ chồng anh chị yêu cầu:

- Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 311, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 12/3/2019 của Văn phòng Công chứng Quang Minh có trụ sở tại số 187, đường Cần Trạm, thị trấn Vôi, huyện L, tỉnh Bắc Giang được giao kết giữa vợ chồng anh T và chồng anh, chị là hợp pháp và có giá trị pháp lý.

- Đề nghị Tòa án hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QD-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L và quyết định số 182/QĐ-CCTHADS ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đối với yêu cầu Tòa án buộc chị Vũ Thị L, anh Lương Ngọc T phải có trách nhiệm thực hiện việc bàn giao lại nguyên vẹn thửa đất và tài sản trên đất cho vợ chồng anh, chị theo đúng hợp đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/10/2019, anh Tr, chị L không yêu cầu nữa, vì ngày 28/8/2019 anh T, chị L đã làm thủ tục bàn giao tài sản cho vợ chồng anh, chị và anh chị đã cho anh T, chị L thuê lại tài sản nhà đất trên theo hợp đồng.

Ngoài hai yêu cầu trên, anh chị không có yêu cầu nào khác. Anh, chị không yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu nên không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Th trình bày: chị là vợ của anh Nguyễn Công B, chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh B. Yêu cầu anh T, chị L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng chị số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 20%/năm. Chị ủy quyền cho anh B đại diện cho chị tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị L trình bày: Chị là vợ của anh Lương Ngọc T, vợ chồng chị có quan hệ làng xóm với vợ chồng anh B, chị Th. Do vợ chồng chị làm ăn kinh tế nên cần vốn đã đặt vấn đề vay tiền của anh B và đã được anh B nhất trí cho vay. Ngày 25/01/2019 vợ chồng chị vay 700.000.000 đồng

và đến ngày 03/2/2019 vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tiền, anh T sang nhà anh B trực tiếp lập giấy vay và nhận tiền do anh B giao. Về tiền lãi suất khi đó anh T và anh B có thỏa thuận miệng tính bằng 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau khi vay, vợ chồng chị đã thanh toán trả anh B một tháng tiền lãi bằng 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), trả lãi hết ngày 25/02/2019. Sau đó thì không trả được gốc và lãi. Nay anh B khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng chị nhất trí có trách nhiệm cùng anh T trả. Về tiền lãi yêu cầu trả từ ngày 25/01/2019 đến khi thanh toán xong chị không nhất trí vì vợ chồng chị đã trả lãi đến hết ngày 25/02/2019. Do khó khăn nên chị xin anh B cho lãi và xin được trả dần số tiền vay gốc.Về việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của anh B chị không có ý kiến gì. Chị mong muốn anh B tạo điều kiện để vợ chồng chị trả nợ xong để sau đó Tòa án ra quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị L yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất có hiệu lực và yêu cầu Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "phong tỏa tài sản" chị nhất trí vì đất đã chuyển nhượng cho anh Tr, chị L nên thuộc quyền của anh Tr, chị L.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 của Toà án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 50, Điều 105, điểm b, khoản 2, Điều 138 của Luật đất đai năm 2003. Điều 105, Điều 107, khoản 1, Điều 163 của Bộ luật dân sự. Điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 161;Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều: Điều 429; 463; 465; Điều 466; khoản 2 điều 357; Khoản 1 Điều 468; điều 116; điều 117; điều 119; khoản 2 điều 124;điều 401; điều 500; điều 501; điều 502; điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng chị anh Lương Ngọc T và chị Vũ Thị L phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Công B, chị Phạm Thị Th số tiền vay gốc 1.000.000000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 159.958.300 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: là 1.159.958.300 đồng (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm đồng).

2- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất được ký kết giữa anh T, chị L với anh Tr, chị L ngày 12/3/2019 có

hiệu lực pháp luật và không chấp nhận yêu cầu tuyên hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QD-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất giữa anh Lương Ngọc T, chị Vũ Thị L với anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị L lập ngày 12/3/2019 tại văn phòng công chứng Quang Minh đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng tài sản trên đất tại Thôn S, T, huyện L là giao dịch dân sự vô hiệu.

3- Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4- Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng tài sản trên đất tại Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Lương Ngọc T, chị Vũ Thị L theo quyết định số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) anh Nguyễn Công B đã nộp được phong tỏa tại tài khoản số 2507205227014 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh L, Bắc Giang II được trả lại cho anh B khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L được hủy bỏ.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, chi phí thẩm định định giá, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/02/2020, bị đơn Lương Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Văn Tr có kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 của Toà án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Long đại diện cho ông Trọng trình bày: đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm lý do án sơ thẩm không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu là mất quyền lợi của anh Tr. Án sơ thẩm định giá tài sản quá cao so với thực tế. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết.

Luật sư H trình bày: hợp đồng mua bán tài sản nhà đất đủ điều kiện nhưng án sơ thẩm lại đánh giá chưa đủ điều kiện. Án sơ thẩm không lấy lời khai nhân chứng chứng kiến việc giao tiền. Hợp đồng là giao dịch dân sự ngay tình không phải trốn tránh nghĩa vụ dân sự.

Ra quyết định khẩn cấp tạm thời không giải thích rõ quyền và nghĩa vụ cho đương sự, tài sản áp dụng không tương xứng với tiền nợ. Tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, quyền lợi người thứ ba.

Đề nghị Tòa phúc thẩm hủy quyết định khẩn cấp tạm thời, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ông Bắc trình bày: Không nhất trí với ý kiến của anh Long và Luật sư, đề nghị y án sơ thẩm.

Chị L trình bày: nhất trí với ý kiến của anh Long và Luật sư.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS. Anh T vắng mặt không có lý do, đến 10h15 cùng ngày anh T đến phiên tòa gây mất trật tự, đe dọa HĐXX, các đồng chí cảnh sát bảo vệ làm nhiệm vụ thì anh T bỏ đi không tham dự phiên tòa, bị coi là từ bỏ kháng cáo.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang không chấp nhận kháng cáo của anh Tr. Áp dụng khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 BLTTDS, xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L về phần lãi xuất chậm thi hành án tuyên không đúng hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Anh Nguyễn Công B, chị Phạm Thị Th khai đã cho anh Lương Văn Tuyến, chị Vũ Thị L vay 700.000.000 đồng ngày 25/01/2019, thời hạn thanh toán ngày 25/02/2019 và cho vay 300.000.000 đồngngày 03/2/2019, thời hạn thanh toán ngày 03/3/2019. Tổng cộng là 1.000.000.000 đồng. Anh T là người nhận tiền, viết giấy nhận nợ và nói rõ vay để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình, chị L có biết. Do anh T, chị L chưa trả nợ gốc và lãi nên yêu cầu anh T, chị L cùng có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng anh, chị số tiền gốc trên và tiền lãi theo mức 15%/năm kể từ ngày vay đến ngày thanh toán xong. Anh B xuất trình hai giấy biên nhận vay nợ gốc do anh T viết và ký nhận người vay. Tổng số tiền gốc và lãi anh T, chị L phải thanh toán trả anh B, chị Th là 1.159.958.300 đồng (một tỷ một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm tám nghìn ba trăm đồng).

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, tại các phiên tòa anh T vắng mặt, Tòa án tiến hành tống đạt giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết. Phiên tòa ngày 24/9/2020, sau khi khai mạc, anh T có đến phiên tòa nhưng không dự phiên tòa và có những lời nói thách thức rồi bỏ về. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa vì lý do anh Tr là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, kháng cáo sức khỏe không đảm bảo và ấn định xét xử lại vào ngày 23/10/2020. Tiến hành giao quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự do anh T không có mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định. Phiên tòa ngày 23/10/2020, HĐXX khi đang xử thì anh T đến thách thức Chủ tọa và HĐXX, bỏ về không tham gia phiên tòa. Xét anh T kháng cáo đã được triệu tập, niêm yết nhiều lần nhưng

vắng mặt được coi là từ bỏ kháng cáo, do vậy HĐXX quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh T như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn Tr và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Tr đề nghị hủy án sơ thẩm, HĐXX thấy: Về thủ tục tố tụng quá trình giải quyết xét xử cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo đúng quy định của BLTTDS, xác định đúng quy định pháp luật, đưa đầy đủ những người liên quan đến vụ án tham gia tố tụng và quyền của các đương sự đã được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung án sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện, về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xem xét giải quyết đúng, đủ các yêu cầu khởi kiện theo quy định của BLDS. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tr, người được anh Tr ủy quyền, Luật sư bảo vệ cho anh Tr đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm tuyên Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất vô hiệu nhưng không giải quyết 900 triệu đồng anh Tr đã nộp tại Ngân hàng đầu tư để rút sổ đỏ về, không giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu là mất quyền lợi của anh Tr, chị L. Định giá tài sản quá cao, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không cần thiết, không tương xứng với khoản tiền nợ, Hợp đồng chuyển nhượng đủ điều kiện nhưng lại đánh giá chưa đủ, không lấy lời khai nhân chứng khi giao tiền, Hợp đồng là giao dịch ngay tình, không phải trốn tránh nghĩa vụ dân sự. Vi phạm về tố tụng, ra quyết định khẩn cấp tạm thời không giải thích quyền và nghĩa vụ cho đương sự, tài sản không tương xứng với nghĩa vụ trả nợ, không giải quyết quyền lợi của người thứ 3 khi tuyên hợp đồng vô hiệu, đề nghị hủy quyết định khẩn cấp tạm thời.

Những lý do căn cứ đề nghị hủy án sơ thẩm, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ tại cấp sơ thẩm đã giải thích về quyền yêu cầu giải quyết hậu quả Hợp đồng vô hiệu nhưng anh Tr chị L không yêu cầu do vậy án sơ thẩm không giải quyết là đúng. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Tr cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án sơ thẩm tuyên lãi xuất chậm thi hành án không đúng hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cần rút kinh nghiệm.

Về án phí: Anh T và anh Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 296, Điều 312 BLTTDS, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lương Ngọc T. Áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều: Điều 429; 463; 465; Điều 466; khoản 2 điều 357; Khoản 1 Điều 468; điều 116; điều 117; điều 119; khoản 2 điều 124;điều 401; điều 500; điều 501; điều 502; điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng anh Lương Ngọc T và chị Vũ Thị L phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Công B, chị Phạm Thị Th số tiền vay gốc 1.000.000000 đồng (1 tỷ đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 159.958.300 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 1.159.958.300 đồng (một tỷ một trăm năm chín triệu chín trăm năm tám nghìn ba trăm đồng).

2- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất được ký kết giữa anh T, chị L với anh Tr, chị L ngày 12/3/2019 có hiệu lực pháp luật và không chấp nhận yêu cầu tuyên hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QD-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất giữa anh Lương Ngọc T, chị Vũ Thị L với anh Nguyễn Văn Tr, chị Vũ Thị L lập ngày 12/3/2019 tại văn phòng công chứng Quang Minh đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng tài sản trên đất tại Thôn S, T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L là giao dịch dân sự vô hiệu.

3- Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 27, diện tích 54,6m^2 cùng tài sản trên đất tại Thôn S, xã T (nay là tổ dân phố S, thị trấn K), huyện L, tỉnh Bắc Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Lương Ngọc T, chị Vũ Thị L theo quyết định số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Số tiền 100.000.000 đồng, anh B nộp được phong tỏa tại tài khoản 2507205227014 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh L Bắc Giang II được trả lại anh B khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 14/5/2019 của TAND huyện L được hủy bỏ.

4- Án phí DSST: anh Lương Ngọc T và chị Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.789.700 (bốn sáu triệu bảy trăm tám chín nghì bảy trăm đồng).

Án phí DSPT: Anh T, anh Tr mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tại các biên lai số 0002187 ngày 28/2/2020 và biên lai số 0002186 ngày 28/02/2020 tại Chi cục THA dân sự huyện L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân huyện L;
-Chi cục THADS huyện L;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hải Vinh